

Đề thi Lý thuyết lần 1 - Năm học 2015-2016

Ngày thi: 19/12/15

Môn: Ung thư

Thời gian làm bài: 40 phút

Giám thị 1

Giám thị 2

Họ tên:.....Tổ:.....Lớp:.....

Ngày thi:.....Địa điểm thi:.....

Đề số: 333

Số câu trả lời đúng	Số điểm	Người chấm

1. Hạch nào KHÔNG được xem là hạch vùng trong ung thư cổ tử cung

☒ A. Hạch cạnh động mạch chủ bụng

B. Hạch chậu chung

☒ C. Hạch trước xương cùng

☒ D. Hạch bẹn

E. Hạch chậu ngoài

2. AFP (Alpha feto protein) tăng cao trong:

☒ A. Carcinôm tế bào gan

B. Carcinôm đường mật trong và ngoài gan

C. Sarcôm mạch máu ở gan

☒ D. Tất cả các câu trên đều đúng

3. Tại Âu-Mỹ, ung thư gan thường liên quan đến yếu tố:

A. Virus gây viêm gan B, C

B. Độc tố aflatoxin trong ngũ cốc bị nhiễm nấm mốc

C. Xơ gan do rượu và các bệnh lý chuyển hóa

☒ D. Cả 3 yếu tố trên

4. Ngoài ung thư phổi, hút thuốc lá có thể gây ung thư:

A. Thực quản

☒ B. Ung thư bàng quang

C. Ung thư tụy

☒ D. Tất cả các câu trên đều đúng

5. Đề phòng ngừa ung thư dương vật:

- A. Nên cắt đa quy đầu thường quy cho trẻ sơ sinh theo phong tục Do Thái giáo
 B. Khám tiền hôn về các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục
 C. Cắt đa quy đầu trước hôn nhân nếu đa quy đầu dài hoặc hẹp
 D. Cắt đa quy đầu cho trẻ nữ nhi nếu đa quy đầu dài hoặc hẹp
6. Yếu tố nguy cơ của ung thư buồng trứng
 A. Dùng thuốc ngừa thai kéo dài
 B. Phụ nữ vô sinh, không lập gia đình
 C. Quan hệ tình dục với nhiều người
 D. Nhiễm HPV các tít nguy cơ cao
 E. Câu A và B đúng
7. Phần lớn ung thư nội mạc tử cung xuất phát từ
 A. Vùng chuyển tiếp
 B. Vùng eo tử cung
 C. Thành trước tử cung
 D. Đáy tử cung
 E. Câu C và D đúng
8. Yếu tố nguy cơ của ung thư nội mạc tử cung
 A. Viêm nhiễm phụ khoa
 B. Nhiễm HPV
 C. Dùng nội tiết thay thế kéo dài sau mãn kinh
 D. Cường giáp
 E. Câu A và C đúng
9. Dịch tễ học ung thư nội mạc tử cung
 A. Là ung thư thường gặp ở các nước đang phát triển hơn các nước phát triển
 B. Tuổi trung bình lúc được chẩn đoán thường là 50-55 tuổi
 C. Có liên quan đến chế độ dinh dưỡng, béo phì
 D. Có liên quan đến hút thuốc lá
 E. Câu C và D đúng
10. Tăng sản không điển hình nặng của nội mạc tử cung có nguy cơ diễn tiến thành ung thư xâm lấn
 A. 25%
 B. 50%
 C. 60%
 D. 70%
11. Loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất của ung thư nội mạc tử cung là:
 A. Carcinôm tuyến dạng nội mạc, biệt hóa cao đến trung bình
 B. Carcinôm tuyến dạng nội mạc, biệt hóa kém
 C. Carcinôm tế bào gai, biệt hóa cao đến trung bình
 D. Carcinôm tuyến dạng nhú
12. Tác dụng phụ mãn tính của xạ trị ung thư cổ tử cung không bao gồm triệu chứng nào sau đây
 A. Nôn ói
 B. Khô âm đạo

- C. Viêm trực tràng
D. Viêm bàng quang
13. Giải phẫu bệnh ung thư vú, chọn câu SAI
☒ A. Carcinôm ống tuyến vú thường gặp hơn carcinôm tiểu thùy
☐ B. Carcinôm tiểu thùy tại chỗ có thể theo dõi không cần điều trị
☐ C. Carcinôm tuyến vú có thể cho đi căn hạch
☒ D. Giải phẫu bệnh ung thư vú không cần xác định loại trước khi điều trị
14. Phương tiện nên được sử dụng để khảo sát giải phẫu bệnh khối u ở tình hoàn:
☐ A. FNA bướu tình hoàn
☐ B. Mô sinh thiết tình hoàn qua ngã bìu
☒ C. Mô sinh thiết trọn tình hoàn qua ngã bẹn
☐ D. Tất cả các câu trên đều đúng
15. Phân loại bướu theo TNM trong ung thư đại trực tràng dựa vào:
☐ A. Kích thước bướu theo chiều ngang
☐ B. Kích thước bướu theo chiều dọc
☐ C. Mức độ gây chít hẹp lòng ống tiêu hóa
☒ D. Mức độ xâm lấn sâu thành ruột
16. Biểu hiện nào sau đây cho biết sự hiện diện của ung thư vú giai đoạn IV:
☐ A. Thay đổi viêm trong tuyến vú
☒ B. Di căn hạch trên đòn cùng bên
☐ C. Bướu xâm lấn lan đến cơ ngực
☒ D. Tất cả đều sai
17. Ung thư buồng trứng
☐ A. Thường gặp ở những phụ nữ sinh đẻ nhiều
☒ B. Có liên quan đến gen BRCA1 và BRCA2
☐ C. Có liên quan đến tình trạng viêm nhiễm phụ khoa
☐ D. Rất hiếm gặp ở tuổi chưa dậy thì.
☐ E. Câu B và C đúng
18. Diễn tiến tự nhiên của ung thư nội mạc tử cung
☐ A. Lan xuống cổ tử cung sớm làm tăng khả năng di căn hạch
☒ B. Diễn tiến chủ yếu tại chỗ trong một thời gian dài trước khi cho di căn
☒ C. Di căn hạch chủ yếu là hạch cạnh động mạch chủ bụng
☐ D. Vị trí di căn xa thường gặp nhất là gan
19. Các yếu tố làm tăng nguy cơ phát triển ung thư vú, ngoại trừ:
☐ A. Có kinh sớm hoặc mãn kinh muộn
☐ B. Không sanh con
☐ C. Tuổi > 30 lúc mang thai đầu tiên
☒ D. Sảy thai ở 3 tháng đầu hay 3 tháng giữa thai kỳ
20. Ung thư vú, chọn câu SAI
☐ A. Là ung thư thường gặp nhất ở phụ nữ tính chung trên toàn thế giới.
☐ B. Thường gặp ở những nước công nghiệp phát triển hơn những nước đang phát triển
☒ C. Khó phát hiện sớm do không có triệu chứng lâm sàng
☐ D. Có liên quan đến yếu tố gia đình.

21. Triệu chứng thường gặp nhất của ung thư vú là:

- A. Đau da cam ở vú
- ☒ B. Một khối không đau ở vú
- C. Đau vú
- D. Tiết dịch núm vú

22. Một phụ nữ 59 tuổi đã mãn kinh 4 năm, đến bác sĩ khám vì tự sờ thấy một mảng trong vú trái khoảng 1 tháng nay, không triệu chứng khó chịu gì. Không tiền căn bệnh nội ngoại khoa. Khám lâm sàng sờ thấy một khối 2 cm, sừng, giới hạn không rõ, 1/4 trên trong vú trái vị trí 11 giờ, ít di động trong mô vú và di động tốt so với thành ngực, không dính da. Hạch nách và trên đòn không sờ thấy. Nhũ ảnh không cho thấy bất thường gì trên phim. Bước xử trí tiếp theo thích hợp trên bệnh nhân này?

- ☒ A. Chụp MRI vú 2 bên.
- ☒ B. Siêu âm tuyến vú
- C. FNA bướu vú trái
- D. Sinh thiết lõi kim bướu vú trái

23. Mục đích của việc xét nghiệm ER, PR, HER-2/neu trong ung thư vú nhằm:

- A. Phân loại bướu dưới góc độ sinh học phân tử
- B. Giúp chọn lựa phương pháp điều trị thích hợp
- C. Giúp đánh giá tiên lượng bệnh
- ☒ D. Tất cả các câu đều đúng
- E. Chỉ có A, C đúng

24. Một phụ nữ 59 tuổi đã mãn kinh 8 năm, đến bác sĩ khám vì tự sờ thấy một khối trong vú phải khoảng 3 tháng nay, không triệu chứng khó chịu gì. Không tiền căn bệnh lý vú trước đó, bệnh nhân đang dùng thuốc điều trị cao huyết áp và ổn định. Khám lâm sàng sờ thấy một khối 1,5 cm, chắc, giới hạn không rõ, 1/4 dưới ngoài vú phải vị trí 8 giờ, cách núm vú 4 cm, ít di động trong mô vú và di động tốt so với thành ngực, không dính da. Siêu âm nghi sang thương thay đổi sợi bọc khu trú vú phải vị trí 8 giờ. Bệnh nhân được chọc FNA dưới hướng dẫn siêu âm tương ứng vị trí này với kết quả là tổn thương lành tính. Bước xử trí tiếp theo thích hợp trên bệnh nhân này?

- A. Chụp MRI vú 2 bên.
- B. Chụp nhũ ảnh 2 bên
- C. Sinh thiết trọn sang thương
- ☒ D. Sinh thiết lõi kim sang thương

25. Loại ung thư nào có tử xuất cao nhất trên toàn thế giới

- ☒ A. Ung thư phổi
- B. Ung thư gan
- C. Ung thư dạ dày
- D. Ung thư buồng trứng

26. Các thuốc điều trị tại chỗ trên da có hiệu quả đối với sang thương loại nào

- ☒ A. Dây sừng đa do ánh sáng
- B. Carcinôm tế bào đáy của da
- C. Carcinôm tế bào gai của da

- D. Carcinôm tuyến bã của da
E. Tất cả đều sai
27. Nguyên nhân ung thư cổ tử cung

- A. Herpes-Simplex virus (HSV)
☒ B. Human Papilloma virus (HPV)
C. Sinh đẻ nhiều
D. Lập gia đình sớm
E. Quan hệ tình dục với nhiều người

28. Yếu tố nào sau đây được xem là yếu tố thuận lợi của ung thư cổ tử cung

- A. Human Papilloma virus (HPV)
B. Sinh đẻ nhiều
C. Quan hệ tình dục với nhiều người
☒ D. Câu B,C đúng
E. Tất cả đều đúng

29. Tuổi thường gặp nhất của ung thư cổ tử cung

- A. 25-35 tuổi
B. 35-45 tuổi
☒ C. 45-55 tuổi
D. 55-65 tuổi
E. >65 tuổi

30. Tồn thương tiền ung thư cổ tử cung

- A. Xuất độ cao nhất là 40-45 tuổi
☒ B. CIN 2 có nghĩa là các tế bào dị dạng chiếm 2/3 trên bề dày của lớp biểu mô nhưng chưa xâm lấn màng đáy
☒ C. CIN 3 có nghĩa là các tế bào dị dạng chiếm toàn bộ bề dày của lớp biểu mô nhưng chưa xâm lấn màng đáy
D. Khả năng diễn tiến thành ung thư cổ tử cung xâm lấn đối với CIN3 là 80% sau 10 năm
E. Câu C,D đúng

31. Khám lâm sàng ung thư cổ tử cung thường KHÔNG đánh giá được:

- A. Thân tử cung
B. Vách âm đạo trực tràng

- C. Chu cung
☒ D. Hạch chậu
 E. C,D đúng
32. Nguy cơ ung thư phổi cao nhất ở đối tượng nào?
☒ A. Người nghiện thuốc lá
 B. Công nhân làm cầu đường
 C. Công nhân nhuộm vải
 D. Công nhân sản xuất thuốc trừ sâu
33. Trong các loại giải phẫu bệnh của ung thư phổi không tế bào nhỏ, loại nào thường gặp nhất?
☒ A. Carcinôm tế bào gai
☒ B. Carcinôm tuyến
 C. Carcinôm gai-tuyến
 D. Carcinôm tế bào lớn
34. Khi không thể có được chẩn đoán giải phẫu bệnh trên bệnh nhân nghi ngờ ung thư gan, việc chẩn đoán là ung thư gan có thể dựa trên:
☒ A. Hình ảnh bướu gan trên siêu âm, CT bụng + khối u dưới sườn phải sờ được trên lâm sàng
☒ B. Hình ảnh bướu gan trên siêu âm, CT bụng + xét nghiệm HbsAg hoặc Anti-HCV dương tính mạnh
☒ C. Hình ảnh bướu gan trên siêu âm, CT bụng + AFP/ huyết thanh > 400ng/ ml
☒ D. Xét nghiệm HbsAg hoặc Anti-HCV dương tính mạnh + AFP/ huyết thanh dương tính
35. Triệu chứng thường gặp nhất của ung thư thực quản:
 A. Nôn ói
 B. Khàn tiếng
☒ C. Nuốt nghẹn, nuốt khó
 D. Hạch cổ, trên đòn.
36. Diễn tiến tự nhiên của ung thư cổ tử cung
 A. Lan xuống âm đạo là thường gặp nhất nhưng khó đánh giá bằng khám lâm sàng
☒ B. Lan qua chu cung có nguy cơ gây thận ứ nước và suy thận
 C. Xâm lấn trực tràng thường gặp do cổ tử cung rất gần với trực tràng
 D. Xâm lấn bàng quang có thể gây vô niệu
 E. Tất cả các câu trên đúng
37. Tình huống thường gặp nhất của ung thư cổ tử cung xâm lấn trên lâm sàng là:
☒ A. Không có triệu chứng và được phát hiện qua xét nghiệm tầm soát định kỳ
☒ B. Xuất huyết âm đạo bất thường
☒ C. Huyết trắng kéo dài

- D. Đau nhức vùng hạ vị
E. Tiểu khó, tiểu buốt, tiểu máu
38. Biểu hiện nào sau đây không phải là Hội chứng Pancoast:
A. Bướu vùng đỉnh phổi
B. Phù áo khoác
C. Hủy xương sườn số 1
D. Chèn ép mạng thần kinh cánh tay gây đau vai, cánh tay
39. Các triệu chứng nào sau đây đặc hiệu cho ung thư đại trực tràng:
A. Đi cầu có máu theo phân
B. Mót rặn kéo dài
C. Táo bón kéo dài
D. Tất cả đều sai
40. Phương tiện nào sau đây dùng để tầm soát ung thư đại trực tràng đã được chứng minh có hiệu quả trong những thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có nhóm chứng?
A. Tầm soát ẩn trong phân
B. Nội soi đại tràng sigma bằng ống soi mềm
C. Chụp cản quang kép khung đại tràng với baryte
D. Nội soi khung đại tràng
41. PSA là kháng nguyên đặc hiệu của tuyến tiền liệt, được dùng để:
A. Tầm soát ung thư tuyến tiền liệt
B. Chẩn đoán ung thư tuyến tiền liệt
C. Theo dõi sau điều trị ung thư tuyến tiền liệt
D. Cả 3 câu trên đều đúng
42. Vị trí hạch thường bị di căn nhất trong ung thư tinh hoàn:
A. Hạch bẹn nông
B. Hạch bẹn sâu
C. Hạch chậu
D. Hạch cạnh động mạch chủ bụng
43. Dấu hiệu sinh học nào được xét nghiệm trong ung thư tinh hoàn:
A. AFP, CEA và LDH
B. AFP, β -HCG và LDH
C. β -HCG, PSA và CEA
D. LDH, β -HCG và CA 125
E. Tất cả đều sai
44. Bệnh nhân nam 75 tuổi nhập viện vì vết loét không lành ở mặt 2 năm nay. KPS 80. Khám lâm sàng vết loét rãnh mũi môi (T) đường kính 1,5cm giới hạn rõ, bờ gồ cao ngấm sắc tố đen. Tiền căn cao huyết áp đang điều trị, COPD. Phương pháp sinh thiết phù hợp đối với bệnh nhân này là:
A. Sinh thiết lặn bướu
B. Sinh thiết bằng kềm bấm
C. Sinh thiết tròn
D. Sinh thiết bằng kim nhỏ

45. Kết quả sinh thiết là mô viêm mạn tính. Bước xử trí thích hợp tiếp theo là
- ☒ A. Sinh thiết lần hai
 - ☐ B. Phẫu thuật lấy trọn sang thương
 - ☐ C. Theo dõi thêm
 - ☒ D. A, B đúng
 - ☐ E. Tất cả đều đúng
46. Trong các loại mô học sau đây, loại nào nhạy xạ trị nhất
- ☐ A. Sarcôm xương
 - ☐ B. Carcinôm tế bào sừng của thận
 - ☐ C. Carcinôm tuyến của dạ dày
 - ☒ D. Carcinôm không biệt hóa của vòm hầu
 - ☐ E. Tất cả đều sai
47. Bệnh nhân nữ 55 tuổi ở quận Bình Thạnh, TPHCM. Cách nhập viện 6 tháng bệnh nhân phát hiện vết loét vùng má (T) không lành. Cách nhập viện 2 tuần bệnh nhân đi khám tại bệnh viện tư được chẩn đoán là ung thư da và được cắt rộng sang thương. Giải phẫu bệnh sau mổ: carcinôm tế bào đáy, diện cắt bên (+) → chuyển bệnh viện Ung Bướu. Hiện KPS 70, sẹo mổ vùng má (T) lành tốt, mô dưới sẹo hơi sưng. Xử trí thích hợp cho bệnh nhân này là:
- ☒ A. Cắt rộng sẹo và tạo hình
 - ☒ B. Xạ trị
 - ☐ C. Theo dõi thêm
 - ☐ D. Kem 5-FU
48. Carcinôm tuyến giáp dạng nhú, chọn câu đúng:
- ☐ A. Chiếm 20-30% các trường hợp ung thư tuyến giáp mới mắc
 - ☐ B. Cắt giáp toàn phần là phẫu thuật chọn lựa ngay cả khi bướu nhỏ <1cm.
 - ☒ C. Rất nhiều trường hợp có tính đa ổ trên vi thể
 - ☐ D. Hiếm khi cho di căn hạch cổ ở những bệnh nhân dưới 15 tuổi
49. Loại ung thư nào sau đây không có liên quan đến tia cực tím mặt trời
- ☐ A. Melanôm ác tính
 - ☐ B. Carcinôm tế bào đáy của da
 - ☐ C. Carcinôm tế bào gai của da
 - ☒ D. Carcinôm tuyến bã của da
50. Bệnh nhân nữ, 35 tuổi khám sức khỏe định kỳ phát hiện một nhân giáp thùy trái; không có tiền căn xạ trị và gia đình không ai bị ung thư giáp. Siêu âm cổ phát hiện nhân giáp thùy trái 2cm, echo kém vì vôi hóa và một nhân giáp thùy phải 0,5cm echo kém, không phát hiện hạch cổ. FNA nhân giáp thùy trái: carcinôm tuyến giáp dạng nhú. Điều trị khởi đầu của bệnh nhân này
- ☐ A. Cắt giáp toàn phần nạo hạch cổ trái
 - ☒ B. Cắt giáp toàn phần
 - ☐ C. Cắt giáp toàn phần nạo hạch cổ hai bên
 - ☐ D. Cắt trọn thùy trái, cắt lạnh thùy phải
51. Tiêm vắc xin ngừa HPV phòng ung thư cổ tử cung, chọn câu SAI

- A. Hiệu quả tốt nhất là ở người chưa quan hệ tình dục
 B. Người đã quan hệ tình dục vẫn có hiệu quả
 C. Tiêm ngừa càng sớm càng tốt trong độ tuổi cho phép
☒ D. Tiêm ngừa càng gần thời điểm bắt đầu quan hệ tình dục càng tốt vì hiệu quả bảo vệ sẽ cao hơn
 E. Câu A và D sai
52. Chọc hút tế bào bằng kim nhỏ (FNA) được sử dụng trong các tình huống sau đây, ngoại trừ:
 A. Hạt giáp thy (P), kích thước 1,5 cm, chắc.
 B. Hạch thượng đòn (T) 1 cm, chắc, dính trên bệnh nhân carcinôm tuyến dạ dày.
☒ C. Bướu vú (T), vị trí 6 giờ, kích thước 3cm, sưng, ít di động so với mô vú, còn di động so với thành ngực.
 D. Nội soi tai mũi họng thấy sùi mép trước dây thanh (T)
☒ E. Bệnh nhân tinh cơ siêu âm phát hiện hạt giáp thy (T) 0,5 cm và hạch cổ (T) 0,8 cm nghi ngờ ác tính.
53. Theo phân loại FIGO, yếu tố nào sau đây không giúp xếp giai đoạn ung thư cổ tử cung?
☒ A. Kích thước bướu
 B. Bướu xâm lấn túi cùng
☒ C. Di căn hạch chậu
 D. Thận ứ nước
 E. Di căn xa
54. Năm đọc theo cơ ức đòn chũm là những hạch cổ nhóm nào?
 A. Nhóm 1,2,3
☒ B. Nhóm 2,3,4
 C. Nhóm 3,4,5
 D. Nhóm 4,5,6
 E. Tất cả đều sai
55. Phương pháp điều trị chủ yếu trong ung thư phổi tế bào nhỏ
☒ A. Hóa trị
 B. Xạ trị
 C. Liệu pháp nhắm trúng đích
 D. Phẫu thuật
 E. Tất cả các phương pháp trên
56. Loại bướu nào sau đây không thuộc về bướu tế bào mầm?
 A. Bướu quái (teratoma) và bướu quái ác tính
 B. Sêminôm (seminoma)
 C. Carcinôm phôi (embryonal carcinoma)
☒ D. Carcinôm đường dẫn mật (cholangiocarcinoma)
57. Đột biến gen, trong ung thư tuyến giáp
 A. Carcinôm tuyến giáp dạng nhú thường có đột biến gen HRAS
☒ B. Carcinôm tuyến giáp dạng nang thường có đột biến gen RAS

- C. Carcinôm tuyến giáp dạng tủy thường có đột biến gen RET/PTC
 D. Carcinôm tuyến giáp không biệt hóa thường có ít đột biến gen
 E. Tất cả đều đúng
58. Khi khai thác tiền căn bệnh lý ung thư tuyến giáp cần lưu ý các vấn đề sau
 A. Tiền căn có tiếp xúc với phơi nhiễm phóng xạ trước đây hay không
 B. Tiền căn gia đình có ai mắc bệnh ung thư tuyến giáp trước đó hay không
 C. Bệnh nhân có tiền sử bệnh ung thư tuyến vú trước đó hay không
☒ D. Câu A và B đúng
☐ E. Tất cả các câu đều đúng.
59. Ung thư dạ dày, chọn câu sai:
☒ A. Là bệnh lý ác tính có thể thực hiện tốt tầm soát bệnh, đặc biệt tại Mỹ.
☐ B. Sang thương ở tâm vị có triệu chứng tương tự ung thư thực quản.
☐ C. Ung thư thân vị thường phát hiện muộn với ít triệu chứng.
☒ D. Hạch trên đòn (T) là vị trí di căn thường gặp.
☒ E. Bệnh giai đoạn trễ thường suy kiệt, thiếu máu nặng.
60. Ung thư dạ dày, chọn câu sai:
☐ A. Nạo hạch D3 được chỉ định thường quy trong phẫu thuật ung thư dạ dày.
☐ B. Số lượng hạch liên quan đến mức độ chính xác trong phân loại giai đoạn bệnh.
☒ C. Cần nạo ít nhất 15 hạch.
☒ D. Bệnh tương đối kháng xạ trị.
☒ E. Ở Hoa Kỳ, hóa xạ trị đồng thời sau phẫu thuật được xem là phác đồ chuẩn.
61. Loại ung thư ống tiêu hóa nào có tiên lượng xấu nhất?
☒ A. Thực quản
☐ B. Dạ dày
☐ C. Đại tràng
☐ D. Trực tràng
☐ E. Ống hậu môn
62. Loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất trong ung thư cổ tử cung là
☐ A. Carcinôm tuyến
☒ B. Carcinôm tế bào gai
☐ C. Carcinôm tế bào nhỏ
☐ D. Carcinôm tế bào chuyển tiếp
☐ E. Carcinôm tế bào sáng
63. Ung thư cổ tử cung thường gặp nhất ở vùng nào:
☒ A. Đông Á
☒ B. Nam Á
☐ C. Tây Á
☐ D. Trung, Đông

E. Trung Á

64. Yếu tố tiên lượng quan trọng nhất của sarcom mô mềm?
- A. Tuổi
 - B. Vị trí bướu
 - C. Kích thước bướu
 - ☒ D. Grad mô học
 - E. Di căn hạch
65. Loại sarcom mô mềm nào ít cho di căn hạch?
- ☒ A. Sarcom mỡ
 - B. Sarcom mạch máu
 - C. Sarcom tế bào sảng
 - D. Sarcom cơ vân
 - ☒ E. Sarcom dạng biểu mô
66. Yếu tố tiên lượng xấu trong ung thư vú, ngoại trừ:
- A. Tuổi trẻ
 - B. Cơn kinh nguyệt
 - ☒ C. Thụ thể ER, PR dương tính
 - D. Biểu hiện quá mức thụ thể HER2
 - E. Tất cả đều sai
67. Vị trí hạch lymphô nào sau đây được xem là di căn xa trong ung thư phổi
- A. Hạch rốn phổi
 - B. Hạch trung thất
 - C. Hạch trên đòn cùng bên
 - ☒ D. Hạch nách
 - E. Tất cả đều sai
68. Loại bướu nào sau đây không thường gặp ở trẻ em?
- A. Sarcom cơ vân
 - ☒ B. Carcinôm đại tràng
 - C. Bướu nguyên bào thần kinh
 - D. Carcinôm phổi tinh hoàn
69. Ung thư ở trẻ em có tất cả các đặc tính sau đây, ngoại trừ:
- A. Bướu phát triển nhanh
 - B. Thời gian ủ bệnh ngắn
 - ☒ C. Liên quan đến sự phơi nhiễm các tác nhân sinh ung
 - D. Có yếu tố gia đình trong 10-15% các trường hợp
70. Liệu pháp nội tiết hiện nay đang được ứng dụng trong các loại ung thư sau, ngoại trừ:
- ☒ A. Ung thư vú
 - B. Ung thư tiền liệt tuyến
 - C. Ung thư tuyến giáp
 - ☒ D. Ung thư tinh hoàn
 - E. Câu a và b đúng

--Hết--